

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VISKY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VISKY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VISKY TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108460789

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 26, ngõ 62, phố Thụy Ứng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649     |
| 2.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Tư vấn chuyên gia công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                                                                                       | 8559     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 4.  | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình;</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;</li> <li>- Thiết kế kiến trúc công trình;</li> <li>- Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;</li> <li>- Thiết kế kết cấu công trình;</li> <li>- Thiết kế điện - cơ điện công trình;</li> <li>- Thiết kế cấp - thoát nước;</li> <li>- Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;</li> <li>- Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;</li> <li>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát, tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy ;</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng công trình.</li> <li>- Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;</li> <li>- Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;</li> <li>- Đo bóc khối lượng;</li> <li>- Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;</li> <li>- Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;</li> <li>- Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;</li> <li>- Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.</li> </ul> | 7110        |
| 5.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230        |
| 6.  | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7730        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9521        |
| 8.  | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về công nghệ;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490        |
| 9.  | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610        |
| 10. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy ;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659(Chính) |
| 11. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320 |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                            | 4322 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321 |
| 15. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4330 |
| 16. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311 |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy ;<br>- Xây dựng công trình dân dụng; công trình công nghiệp; công trình giao thông; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình quốc phòng, an ninh; | 4299 |
| 19. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                   | 2710 |
| 20. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312 |
| 21. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                              | 9522 |
| 22. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663 |
| 23. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652 |
| 24. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4662 |
| 25. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất , lắp ráp phương tiện , thiết bị phòng cháy và chữa cháy                                                                                                                                                                                              | 3290 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.200.000.000 VNĐ

### 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN CƯỜNG  | Xóm Sính, Xã Tinh Nhuệ, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                      | 1.320.000.000         | 60,000    | 132219410                                                                                                                                         |         |
| 2   | NGUYỄN TRỌNG CÔNG | Tổ dân phố Hoàng 17, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 880.000.000           | 40,000    | 037089000031                                                                                                                                      |         |

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 05/10/2018 đến ngày 04/11/2018

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CUỒNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/04/1993*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *132219410*

Ngày cấp: *02/08/2014*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Phú Thọ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Sính, Xã Tinh Nhuệ, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 26, ngõ 62, phố Thụy Ứng, Thị trấn Phùng, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội